

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 45/2022/DS-ST

Ngày: 26/4/2022

V/v “Tranh chấp hui”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Phúc.

2. Ông Nguyễn Xuân Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà P có mặt, bà L vắng mặt, ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Vào ngày 30/8/2020 bà có mua lại 1 phần hui 200.000 đồng của bà L với giá là 32.960.000 đồng. Từ lúc mua hui đến nay, bà chưa được hót hui và bà L còn nợ của bà số tiền trên. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà L cùng chồng là ông Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà số tiền này. Bà không yêu cầu tính lãi.

Theo bản khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị L là vợ chồng hợp pháp. Từ trước đến nay đều cùng làm ăn chung, lợi nhuận kiếm được nhằm phát triển kinh tế gia đình. Bà L đã nhận được

tất cả các tài liệu, chứng cứ trong vụ án này và bà L cũng nhận được thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ nhưng do bà L đang đi làm ở xa nên không đến tham gia theo thông báo của Tòa án được. Ông thừa nhận vào năm 2020 vợ ông là Đỗ Thị L có làm chủ hội, trong thời gian này bà P có mua của bà Loan 1 phần hội 200.000 đồng với giá là 32.960.000 đồng. Do trong thời gian chơi hội, có nhiều hội viên không đóng hội chết nên bà L phải gánh hội. Thời gian kéo dài nên mất khả năng thanh toán hội. Do đó, số nợ hội của bà P vợ ông chưa thanh toán. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông cũng đồng ý cùng bà L trả số tiền 32.960.000 đồng cho bà P nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng T có yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L và ông T.

[2] Xét thấy giữa bà Nguyễn Thị P và bà Đỗ Thị L tham gia chơi hội với nhau dưới hình thức thỏa thuận miệng. Trong quá trình tham gia hội, tuy chủ hội có giao cho mỗi hội viên danh sách các hội viên cùng tham gia trong dây hội nhưng không ghi họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể và cũng không làm hợp đồng hay giấy tờ rõ ràng. Bà P cho rằng bà không trực tiếp tham gia vào các dây hội ngay từ ban đầu nhưng bà có mua của bà L một phần hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/8/2020 với giá 32.960.000 đồng. Sau khi hội mất bà đã yêu cầu được nhận số tiền hót hội nhưng bà L chỉ hẹn mà không trả.

[3] Phía bị đơn là bà L trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã tổng đạt nhiều lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hoàng T là chồng bà L cũng đã trình bày vào năm 2020 bà L có làm chủ hội tại địa phương. Mục đích bà L chơi hội là nhằm kiếm thêm thu nhập để phát triển kinh tế gia đình. Thời điểm này ông có biết việc bà P có mua một phần hội của bà L với số tiền 32.960.000 đồng và cho đến nay bà L và ông cũng chưa trả cho bà P số tiền này. Ông cũng đồng ý cùng bà L trả số tiền này cho bà P nhưng xin được trả dần. Xét thấy, lời trình bày của ông T là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà P. Do đó, yêu cầu của bà P là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bà L và chồng là ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hội cho bà P là 32.960.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Do bà P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà P không phải chịu án phí.
- Bà L và ông T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là: 32.960.000 đồng x 5% = 1.648.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P. Buộc bị đơn bà Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hụi là 32.960.000 (ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 824.000 (tám trăm hai mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004653 ngày 09/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

- Bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 1.648.000 (một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Gấm

